

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: **08/2025/DS-ST**.

Ngày: 17/7/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần AC. Trụ sở: số 442, đường N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: số 442, đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1996 - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là số H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Thôn 6, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk)

+ Bà Phạm Thị Mai H, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn S, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 22/11/2023, Ngân hàng TMCP AC – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Krông Pắc và ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KRP.CN.4254.211123. Cùng ngày, hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số KRP.CN.4253.211123 để ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H vay số tiền 1.300.000.000 đồng. Mục đích cho vay để sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Kinh doanh buôn chuyển nông sản. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng. Phương thức giải ngân được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 08 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân. Thời hạn giải ngân là: Tối đa 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất trong hạn được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H bằng Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ (hay còn gọi là Khế ước nhận nợ) số KRP.CN.4253.211123/01 (Số tham chiếu: 417373179) ngày 22/11/2023, số tiền giải ngân là 1.300.000.000 đồng, phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 37658497 của bà Phạm Thị Mai H tại Ngân hàng, thời hạn cho vay: Từ ngày 23/11/2023 đến ngày 22/07/2024. Lãi suất trong hạn: 7.00 %/năm, cố định trong thời hạn 08 tháng. Lãi suất vay được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H thanh toán lãi đến ngày 22/03/2024 thì không tiếp tục thanh toán, đến ngày 23/07/2024, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn lại của Khế ước nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn (do đáo hạn).

Ngày 30/11/2023, ông Nguyễn Văn D ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn D căn cứ theo Giấy đề nghị nêu trên và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Các văn bản khác của ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H ký với

ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: số thẻ tín dụng 9704 1631 0483 6651; ngày cấp 30/11/2023; 900 - LC Express Credit Main Card; hạn mức thẻ 20.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 01/11/2026; lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Ngày 25/04/2024, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H thực hiện sử dụng thẻ tín dụng lần đầu với giao dịch rút tiền mặt, số tiền 19.857.000 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng*). Do ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ACB nên ngày 23/07/2024, Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Trong thời gian kể từ khi mở thẻ (ngày 30/11/2023) cho đến ngày 21/08/2024, ông D, bà H phải chịu lãi suất phát sinh và phí, phạt theo hợp đồng là 1.936.817 đồng (bao gồm: 299.000 đồng phí kích hoạt thẻ; 50.000 đồng phí cấp lại thẻ; 140 đồng phí vượt hạn mức thẻ; 987.677 đồng lãi trong hạn; 200.000 đồng phí trả chậm kì tháng 01/2024; 200.000 đồng phí trả chậm kì tháng 04/2024; 200.000 đồng phí trả chậm kì tháng 07/2024), tổng gốc và lãi suất, phí, phạt mà ông D bà H phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 21/08/2024 là 21.793.817 đồng. Ông D, bà H đã trả được số tiền 1.562.596 đồng, còn nợ lại 20.231.221 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, hai trăm hai mươi một đồng*), chi tiết theo Bảng diễn giải chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng đính kèm. Kể từ ngày 22/08/2024, căn cứ Thông báo thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn lại của thẻ tín dụng nêu trên (bao gồm 18.852.000 đồng nợ gốc tính lãi và 1.379.221 đồng nợ gốc không tính lãi) sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khi vay ông D, bà H có bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số KRP.BĐCN.451.211123 ngày 22/11/2023 được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 4721; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea Kar ngày 22/11/2023.

Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 757, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 212653 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/09/2023, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

- Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số DH 324808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

- Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324807 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

- Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

Tính đến ngày 17/7/2025, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H còn nợ ACB các khoản sau:

1. Khoản nợ tín dụng theo hợp đồng tín dụng số KRP.CN.4253.211123 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số KRP.CN.4253.211123/01 ngày 22/11/2023: Nợ gốc 1.300.000.000đồng, lãi trong hạn 29.971.275 đồng, lãi quá hạn 134.630.137đồng, phạt chậm trả lãi 3.326.170đồng, tổng cộng là 1.467.927.582đồng.

2. Khoản nợ thẻ tín dụng 9704 1631 0483 6651: Nợ gốc 20.231.221đồng, lãi quá hạn 5.097.788đồng, tổng cộng là 25.329.009đồng.

Vì vậy, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau.

+ Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/7/2025 bao gồm:

Nợ gốc 1.300.000.000đồng, lãi trong hạn 29.971.275 đồng, lãi quá hạn 134.630.137đồng, phạt chậm trả lãi 3.326.170đồng, tổng cộng là 1.467.927.582đồng

Nợ gốc thẻ tín dụng là: 20.231.221 đồng, lãi quá hạn nợ thẻ tín dụng là 5.097.788đồng, tổng cộng là 25.329.009đồng.

Từ ngày 18/7/2025 ông D, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến ngày trả hết nợ.

Nếu ông D, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp của

ông D, bà H theo hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.451.211123 ngày 22/11/2023, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và Tòa án đã thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất thế chấp theo quy định pháp luật. Do đó đề nghị ông D, bà H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H nhưng các đương sự không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298, 299, 303, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC.

+ Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 1.467.927.582 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn 29.971.275 đồng, lãi quá hạn 134.630.137 đồng, phạt chậm trả lãi 3.326.170 đồng

+ Buộc ông Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng là 25.329.009đồng. Trong đó nợ gốc thẻ tín dụng là: 20.231.221 đồng, lãi quá hạn nợ thẻ tín dụng là 5.097.788đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC về việc buộc bà Phạm Thị Mai H có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Văn D để trả số tiền nợ thẻ tín dụng.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần AC khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông D, bà H có nơi cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EaKar, tỉnh Đắk Lắk) và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện Ea Kar (nay là xã EaKar, tỉnh Đắk Lắk). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông D, bà H nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS. HĐXX xét xử vắng mặt ông D, bà H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.4253.211123, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KRP.CN.4254.211123 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ (hay còn gọi là Khế ước nhận nợ) số KRP.CN.4253.211123/01 cùng ngày 22/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần AC với ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H. Số tiền vay 1.300.000.000 đồng; lãi suất cho vay là 7%/năm, lãi suất quá hạn: 150 % lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Thời hạn cho vay từ ngày 23/11/2023 đến ngày 22/07/2024.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 30/11/2023, vay thẻ tín dụng hạn mức: 20.000.000đ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần AC với ông Nguyễn Văn D.

HĐXX xét thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H đã nhận đủ tiền vay 1.300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và ông Nguyễn Văn D cũng đã nhận thẻ tín dụng có hạn mức số tiền 20.000.000đ nhưng ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H chỉ mới thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến ngày 22/3/2024 của khoản tiền vay 1.300.000.000 đồng và trả được số tiền 1.562.596 đồng đối với khoản nợ thẻ tín dụng, từ 23/3/2024 ông D, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cam kết. Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng.

Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn ông D, bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 1.300.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền vay thẻ tín dụng, HĐXX xét thấy, ngày 30/11/2023, ông Nguyễn Văn D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn D căn cứ theo Giấy đề nghị nêu trên và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên được cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0483 6651; ngày cấp 30/11/2023; 900 - LC Express Credit Main Card; hạn mức thẻ 20.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 01/11/2026; lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Ngày 25/04/2024, ông Nguyễn Văn D thực hiện sử dụng thẻ tín dụng lần đầu với giao dịch rút tiền mặt, số tiền 19.857.000 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng*). Như vậy, việc ký đề nghị cấp thẻ tín dụng chỉ do ông D thực hiện, bà H không ký. Hơn nữa, khi thực hiện giao dịch rút tiền thì phía Ngân hàng không chứng minh được mục đích sử dụng số tiền giao dịch này của ông D, cho đến nay ông D vẫn chưa trả lãi theo thỏa thuận đã cam kết nên HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ khi sử dụng thẻ tín dụng, không

chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

2.2. Về lãi suất: Căn cứ thỏa thuận lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.4253.211123, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KRP.CN.4254.211123 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ (hay còn gọi là Khế ước nhận nợ) số KRP.CN.4253.211123/01 cùng ngày 22/11/2023 đối với khoản tiền vay 1.300.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 7%/năm, lãi suất quá hạn: 150 % lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm là phù hợp, số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Như vậy tổng cả gốc và lãi mà ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là **1.467.927.582đồng**. Trong đó gồm: Nợ gốc 1.300.000.000đồng, lãi trong hạn 29.971.275 đồng, lãi quá hạn 134.630.137đồng, phạt chậm trả lãi 3.326.170đồng.

Ông Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng là **25.329.009đồng**. Trong đó nợ gốc thẻ tín dụng là: 20.231.221 đồng, lãi quá hạn nợ thẻ tín dụng là 5.097.788đồng.

2.3. Xét hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay 1.300.000.000 đồng Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.4253.211123 ngày 22/11/2023, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số KRP.BĐCN.451.211123 ngày 22/11/2023 gồm tài sản:

- Quyền sử dụng thửa đất số 757, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 212653 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/09/2023, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

- Quyền sử dụng thửa đất số 83, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023

- Quyền sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324807 do Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023

-Quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023.

Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng theo quy định pháp luật. Do đó trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 BLDS.

Trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả lại cho bị đơn QSDĐ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (đã chi xong), nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 1.400.000đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC số tiền 1.400.000 đồng chi phí tố tụng nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 56.037.827đ

- Ông Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.266.450đ

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC 26.598.190đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do ông Phùng Công Minh nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2023/0000848 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298. 299, 303, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]Tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC.

- Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC tổng số tiền là **1.467.927.582đồng**. Trong đó: nợ gốc 1.300.000.000đồng, nợ lãi 167.927.582đồng

- Buộc ông Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng là **25.329.009đồng**. Trong đó nợ gốc thẻ tín dụng là: 20.231.221 đồng, nợ lãi là 5.097.788đồng.

Từ ngày 18/7/2025 ông D, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Từ ngày 18/7/2025 ông D, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.4253.211123, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KRP.CN.4254.211123 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số KRP.CN.4253.211123/01 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần AC có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số KRP.CN.4253.211123 ngày 22/11/2023 gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 212653 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp

ngày 27/09/2023, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023, thửa đất số 757, tờ bản đồ số 28, diện tích 204,5m², địa chỉ: Thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã EaKnốp, tỉnh ĐắkLắk)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 49, diện tích 632,0m², địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã EaKar, tỉnh ĐắkLắk).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324807 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023, thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49, diện tích 686,2m², địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk(Nay là xã EaKar, tỉnh ĐắkLắk).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 324809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/12/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2023, Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 609,3m², địa chỉ: Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã EaKar, tỉnh ĐắkLắk).

Trường hợp ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H không trả được nợ hoặc trả không đủ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần AC được quyền yêu cầu cầu kê biên, phát mãi xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số KRP.BĐCN.451.211123 ngày 22/11/2023 để thu hồi nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC về việc buộc bà Phạm Thị Mai H có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng khoản nợ vay thẻ tín dụng.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC số tiền 1.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định.

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Mai H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 56.037.827đ

- Ông Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.266.450đ

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC 26.598.190đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do ông Phùng Công Minh nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0000848 ngày 22/11/2024

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk).

[4]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương